**TUẦN 5**

**BÀI 11: HỖN SỐ**

SỐ TIẾT: 1 TIẾT

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết về hỗn số qua hình ảnh trực quan.

- Biết đọc, viết hỗn số và nêu được cấu tạo của hỗn số gồm *phần nguyên* và *phần phân số*.

- Thực hiện được việc chuyển các hỗn số thành phân số.

- Vận dụng kiến thức bài học vào giải bài toán thực tế liên quan tới hỗn số.

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

- Phiếu bài tập, bảng phụ

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập (bút, thước, vở ghi, nháp…).

- SGK, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động.** |
| - Gv tổ chức trò chơi: **Ai nhanh, ai đúng?*****\* Cách chơi:*** - GV đưa hình ảnh khởi động và yêu HS quan sát.- GV gọi 1 HS đọc thông tin của bạn Nam và 1 HS đọc câu hỏi của bạn Voi. - GV chia lớp thành các nhóm 4 để cùng thảo luận và giúp bạn Nam trả lời câu hỏi của bạn Voi. - GV hướng dẫn HS chơi trong nhóm.- GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết trước lớp. - GV hướng dẫn HS cả lớp lắng nghe và nhận xét- GV nhận xét, tổng kết hoạt động và dẫn dắt vào bài mới: **Bài 11: Hỗn số** | - HS tham gia chơi- HS quan sát tranh.- HS đọc bài.- HS chơi trong nhóm 4+ Nhóm trưởng điều hành các bạn trong nhóm chơi trò chơi.+ Mỗi HS sẽ quan sát tranh, suy nghĩ và viết câu trả lời của mình ra phiếu.+ Bạn nào viết nhanh, chính xác và giải thích hợp lí là người chiến thắng.- Đại diện các nhóm lên bảng trình bày kết quả của nhóm mình.- HS nhận xét; cả lớp lắng nghe. - HS nghe.  |
| **2. Khám phá kiến thức mới.** |
| Tổ chức hoạt động- GV treo tranh- Cô cho An 2 cái bánh và Giáo án Toán lớp 5 bài Ôn tập: Phép nhân và phép chia hai phân số mới, chuẩn nhất cái bánh. Hãy tìm cách viết số bánh mà cô đã cho An. - **GV giới thiệu:** *Để biểu diễn số hình tròn trên một cách ngắn gọn hơn người ta dùng* ***hỗn số.*** - GV nhận xét sơ lược các cách và giới thiệu để biểu diễn số bánh đã cho, ta dùng hỗ số 2Giáo án Toán lớp 5 bài Ôn tập: Phép nhân và phép chia hai phân số mới, chuẩn nhất cái bánh.2Giáo án Toán lớp 5 bài Ôn tập: Phép nhân và phép chia hai phân số mới, chuẩn nhất gọi là hỗn số, đọc là hai ba phần tư (hoặc là 2 và Giáo án Toán lớp 5 bài Ôn tập: Phép nhân và phép chia hai phân số mới, chuẩn nhất)- Tổ chức HS hoạt động nhóm nêu lại cấu tạo của hỗn số- GV theo dõi, giúp đỡ.- Gv nhận xét - Yêu cầu cả lớp viết hỗn số- Cách viết hỗn số như thế nào | - Hs quan sat- HS trao đổi và trình bày theo các cách khác nhau: 2 cái vàGiáo án Toán lớp 5 bài Ôn tập: Phép nhân và phép chia hai phân số mới, chuẩn nhất  cái.2 cái + Giáo án Toán lớp 5 bài Ôn tập: Phép nhân và phép chia hai phân số mới, chuẩn nhất  cái Giáo án Toán lớp 5 bài Ôn tập: Phép nhân và phép chia hai phân số mới, chuẩn nhất cái, 2 Giáo án Toán lớp 5 bài Ôn tập: Phép nhân và phép chia hai phân số mới, chuẩn nhất cái- Học sinh lắng nghe và quan sát.- HS làm việc cá nhân chia sẻ nhóm đôi cấu tạo của hỗn số.- HS so sánh phần phân số $\frac{3}{4}$ với 1- Học sinh viết hỗn số $2\frac{3}{4}$ vào vở rồi đọc lại hỗn số.*+**Khi đọc hỗn số, ta đọc như thế nào?**+ Khi viết hỗn số, ta viết như thế nào?*Dự kiến- Hỗn số gồm 2 phần: Phần nguyên và phần phân số- HS so sánh: $\frac{3}{4}$ < 1- Phần phân số của hỗn số phải bé hơn 1 - Đại diện nhóm trình bày- HS viết hỗn số rồi đọc.- HS trả lời:+ Khi đọc hỗn số, ta đọc phần nguyên trước rồi đọc phần phân số sau.+ Khi viết hỗn số, ta viết phần nguyên trước rồi viết phần phân số sau. |
| **\* GV kết luận:** *+ Hỗn số gồm có hai phần: Phần nguyên và phần phân số. Phần phân số của hỗn số bao giờ cũng bé hơn đơn vị.**+ Khi đọc hoặc viết hỗn số, ta đọc hoặc viết phần nguyên trước, rồi đọc hoặc viết phân phân số sau.*- GV hỏi: *Hỗn số* $2\frac{3}{4}$ *có thể viết dưới dạng phép tính nào?*- GV nhận xét, chốt: $2\frac{3}{4}$ = $2+\frac{3}{4}$ | - Học sinh đọc lại phần kết luận.- $2\frac{3}{4}$ = $2+\frac{3}{4}$- HS đọc lại phép tính. |
| **3. Thực hành, luyện tập****\* Bài 1:**- Tổ chức HS làm bài  | - HS nêu yêu cầu bài tập- HS bài cá nhân vào vở bài tập Toán. |
| - GV theo dõi | - HS chia sẻ bài làm với bạn theo nhóm đôi. |
| - GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng. - GV khuyến khích các bạn dưới lớp đặt câu hỏi cho bạn trên bảng. | - HS lên bảng trình bày.- HS nhận xét bài làm trên bảng của bạn.- HS tham gia đặt câu hỏi cho bạn. Ví dụ:+ Tại sao ở phần b, bạn viết được hỗn số $3\frac{3}{4}$+ Khi viết các hỗn số, bạn viết như thế nào?+ Bạn có nhận xét gì về phần phân số của các hỗn số vừa viết?... |
| - GV nhận xét, chữa bài. |  |
| **\* Bài 2:**- GV gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập- GV yêu cầu học sinh làm bài vào vở.- GV chia lớp thành các nhóm, sử dụng kỹ thuật **“Phòng tranh”** để HS chia sẻ bài làm với bạn trong nhóm.- GV gọi 1 HS lên bảng tổ chức chữa bài cho cả lớp.- GV nhận xét, cho học sinh nêu lại cấu tạo của hỗn số; cách đọc, viết hỗn số. | - HS đọc yêu cầu bài tập.- HS làm bài vào vở bài tập Toán.- HS chia sẻ bài làm trong nhóm:+ HS trưng bày kết bài làm của mình trong nhóm+ Nhóm trưởng tổ chức cho các thành viên trong nhóm chia sẻ từng nội dung a,b,c của bài tập.- HS lên bảng tổ chức cho cả lớp chữa bài; cả lớp theo dõi, nhận xét. - HS nêu. |
| **\* Bài 3:** **- Tổ chức thực hiện**- GV gọi các nhóm trình bày kết quả.- GV gọi HS nhận xét, chốt: Trong thực hành, để chuyên hỗn số thành phân số ta tiến hành theo các thao tác sau:+ Lấy phần nguyên nhân với mẫu số rồi cộng với tử số để được tử số mới.+ Mẫu số giữ nguyên.- GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi **“Tiếp sức”** để hoàn thành bài tập.- GV tổ chức cho cả lớp nhận xét chữa bài, tìm ra đội chiến thắng.- GV tổng kết trò chơi, cho HS nêu lại cách chuyển hỗn số thành phân số. | - HS quan sát mẫu rồi thảo luận nhóm đôi để nhận biết cách chuyển hỗn số thành phân số.- HS làm việc nhóm đôi để nhận biết cách chuyển hỗn số thành phân số.- Để chuyển hỗn số thành phân số có thể trình bày theo 2 cách:*+ Cách 1:* Biểu diễn hỗn số dưới dạng tổng của một số tự nhiên và một phân số. Tính tông đó.*+ Cách 2:* Lấy phần nguyên nhân với mẫu số rồi cộng với tử số để được tử số mới; mẫu số giữ nguyên.- Lắng nghe.- HS tham gia trò chơi theo hướng dẫn của GV.+ Chia lớp thành 3 đội, mỗi đội 4 thành viên.+ Các đội lần lượt chuyển các hỗn số có trong bài thành phân số.+ Đội nào làm nhanh và chính xác là đội chiến thắng.- HS nhận xét |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm** |
| **\* Bài 4:**- GV Gọi HS đọc bài toán.- GV hỏi: *Bài toán cho biết thông tin về chiều dài quãng đường giữa các địa điểm nào?*- GV yêu cầu học sinh chia sẻ bài tập theo nhóm đôi.- GV hỏi*: Bài tập giúp chúng ta củng cố kiến thức gì?***\* Củng cố, dặn dò.**- *Qua tiết học hôm nay, em đã được biết thêm về kiến thức gì?**- Em hãy nêu những hiểu biết của mình về hỗn số?*- GV nhận xét giờ học, dặn dò HS chuẩn bị cho tiết học sau. | - HS đọc bài toán.- Bài toán cho biết thông tin về chiều dài quãng đường từ:+ Nhà Linh đến Thư viện+ Thư viện đến trường học+ Trường học đến nhà Huy.- HS làm bài.- Củng cố cách đọc, viết hỗn số gắn với số đo độ dài.- Kiến thức về hỗn số.- HS nêu.- HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

**BÀI 12: PHÂN SỐ THẬP PHÂN**

SỐ TIẾT: 1` TIẾT

Ngày dạy: từ ngày ………….. đến ngày …………..

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được các phân số thập phân và cách đọc, viết các phân số thập phân.

- Nhận biết được có một số phân số có thể viết thành phân số thập phân và biết cách chuyển các phân số đó thành phần số thập phân.

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

- Phiếu bài tập, bảng phụ.

- SGK,

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập (bút, thước, vở ghi, nháp…).

- SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1. **Khởi động**
 |
| - Gv tổ chức trò chơi: **Truyền điện*****\* Cách chơi:*** - GV đưa hình ảnh khởi động và yêu cầu cầu HS viết các phân số có mẫu số là 10; 100; 1000;...- GV gọi 1 HS đọc 1 phân số theo yêu cầu. Bạn này trả lời xong sẽ chỉ một bạn khác trả lời. Cứ tiếp tục nhưng vậy cho tới khi nào giáo viên ra hiệu lệnh dừng lại. Bạn nào được chỉ định phải trả lời thật nhanh. Bạn nào trả lời sai thì chịu phạt.- GV theo dõi HS tham gia trò chơi, ghi một số phân số HS tìm đúng lên bảng- GV nhận xét hoạt động, hỏi: *Em có nhận xét gì về mẫu số của các phân số vừa tìm?*- GV nhận xét, giới thiệu: *Các phân số có mẫu số là 10; 100; 1000;...gọi là các* ***phân số* thập phân.**- GV khuyến khích học sinh viết thêm ví dụ về các phân số thập phân rồi đọc cho bạn nghe.- GV yêu cầu học sinh nêu cách đọc, viết phân số thập phân. - GV nhận xét, chốt lại kiến thức về phân số thập phân | - HS tham gia chơi.- HS quan sát và lắng nghe luật chơi.- HS tham gia trò chơi.- Các phân số đều có mẫu số là 10; 100; 1000;....- HS lắng nghe.- HS lấy thêm ví dụ về phân số thập phân.- Học sinh nêu cách đọc, viết phân số thập phân.- HS lắng nghe. |
| **2. Thực hành, luyện tập** **\* Bài 1:**- Tổ chức HS làm bài  | - HS nêu yêu cầu bài tập- HS bài cá nhân vào vở bài tập toán. |
| - GV hướng dẫn HS chia sẻ bài làm với bạn trong nhóm 4  | - HS chia sẻ bài làm với bạn trong nhóm, nhóm trưởng điều hành cho các bạn chia sẻ kết quả sau khi hoàn thành bài. |
| - GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng. - GV thống nhất kết quả đúng với cả lớp.- GV khuyến khích các bạn dưới lớp đặt câu hỏi liên quan đến bài tập để gọi bạn trả lời, qua đó giúp củng cố bài tập thông qua trò chơi **“Tôi hỏi, bạn trả lời”**Ví dụ:*+ Khi đọc các phân số thập phân ở phần a của bài tập, bạn đọc như thế nào?**+ Khi viết các phân số thập phân, bạn viết như thế nào?**+ Để điền các thẻ ghi phân số thập phân vào vị trí thích hợp trên tia số, bạn làm như thế nào?* | - 1 HS lên bảng làm bài.- HS nhận xét bài làm trên bảng của bạn.- HS cùng thống nhất kết quả.- HS tham gia đặt câu hỏi và gọi các bạn trả lời. + Khi đọc các phân số thập phân ta đọc như các phân số thông thường: Đọc tử số trước rồi đọc “phần”, sau đó đọc đến mẫu số+ Khi viết các phân số thập phân, ta viết tử số trên gạch ngang, mẫu số viết dưới gạch ngang.+ Để điền các thẻ ghi phân số thập phân vào vị trí thích hợp trên tia số ta cần xác định mỗi vạch phân số tương ứng với 1 số rồi điền các phân số thập phân theo thứ tự tăng dần. |
| - GV nhận xét, tổng kết bài tập. |  |
| **\* Bài 2:**- Tổ chưc HS làm bài- GV tổ chức chữa bài.- GV hỏi: *Để nhận biết một phân số có phải là phân số thập phân hay không, ta làm như thế nào?*- GV nhận xét, chốt lại dấu hiệu để nhận biết một phân số là phân số thập phân. | - HS đọc yêu cầu bài tập.- HS làm bài vào vở Toán.- 1 HS lên bảng làm bài.- HS đổi vở kiểm tra bài bạn. - HS nhận xét, chữa bài.- Để nhận biết một phân số là phân số thạp phân, ta làm như sau:+ Quan sát mẫu số của các phân số.+ Lựa chọn các phân số có mẫu số là 10;100; 1000;...- HS lắng nghe, ghi nhớ. |
| **\* Bài 3:** - GV đưa hai phân số $\frac{3}{4}$ và $\frac{42}{60}$ và hỏi: *Hai phân số có phải là phân số thập phân không? Vì sao?*- GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi và tìm các phân số thập phân bằng với hai phân số trên.- GV đưa mẫu, giới thiệu: Những phân số mới mà chúng ta vừa tìm được bằng với các phân số đã cho chính là các phân số thập phân. Như vậy, từ một phân số bình thường ta có thể chuyển được thành phân số thập phân.- GV gọi HS đọc mẫu.- GV yêu cầu HS *nêu các cách chuyển một phân số thành phân số thập phân.*- GV gọi HS nhận xét, chốt cách chuyển phân số thành phân số thập phân rồi yêu cầu học sinh làm bài tập 3 vào vở.- GV theo dõi- Gv nhận xét- GV hỏi: *Muốn chuyển một phân số thành phân số thập phân, ta làm như thế nào?* | - Hai phân số hai phân số $\frac{3}{4}$ và $\frac{42}{60}$ không  phải là phân số thập phân vì mẫu số của các phân số không phải là 10; 100; 1000;...- HS làm việc nhóm đôi rồi trình bày kết quả và cách làm.- Lớp nhận xét- HS quan sát mẫu, lắng nghe.- HS đọc.- HS trình bày:*+ Cách 1:* Tìm một số có thể nhân với mẫu số để được kết quả là 10; 100; 1000;...rồi lấy cả tử số và mẫu số của phân số nhân với số đó để được phân số thập phân.*+ Cách 2:* Rút gọn phân số để được phân số thập phân.- HS làm bài vào vở bài tập toán.- 2 HS lên bảng làm bài.- HS chia sẻ kết quả bài làm với bạn.- HS nhận xét, chữa bài.- Nhân hoặc chia cả tử số và mẫu số của phân số đó với cùng 1 số để được phân số có mẫu số là 10; 100; 1000;… |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm**.**\* Bài 4:**- GV tổ chức trò chơi: **“Ghép thẻ”****- Luật chơi:**+ GV phát cho mỗi nhóm 1 bộ thẻ gồm các phân số thập phân và hỗn số.+ GV yêu cầu các nhóm tìm các cặp thẻ ghi phân số thập phân và hỗn số thích hợp.+ Nhóm nào tìm nhanh và chính xác là nhóm thắng cuộc.- GV tổ chức cho các nhóm tham gia trò chơi.- GV hỏi: *Để tìm được cặp phân số thập phân và hỗn số thích hợp em đã làm như thế nào?*- GV nhận xét, tổng kết trò chơi.**\* Củng cố, dặn dò.**- GV giúp HS củng cố bài học thông qua một số câu hỏi liên quan đến nội dung bài.- GV nhận xét giờ học, dặn dò HS chuẩn bị cho tiết học sau. | - HS lắng nghe luật chơi.- Các nhóm tham gia trò chơi.- Để tìm được cặp phân số thập phân và hỗn số thích hợp em làm như sau:+ Chuyển các hỗn số thành phân số.+ Tìm các phân số thập phân ứng với các hỗn số đó.- HS lắng nghe, chia sẻ ý kiến.- HS lắng nghe, ghi nhớ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

**BÀI 13: SỐ THẬP PHÂN**

SỐ TIẾT: 3 TIẾT

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được khái niệm số thập phân (dạng phần mười); biết đọc, viết số thập phân (dạng phần mười).

- Thực hiện được chuyển các phân số thập phân thành số thập phân và ngược lại. Làm quen với việc ghi số đo đại lượng (độ dài) bằng việc sử dụng số thập phân.

- Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Yêu thích môn học

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC.**

**1. Giáo viên**

- Phiếu bài tập, bảng phụ, máy tính, máy chiếu (nếu có).

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập (bút, thước, vở ghi, nháp…).

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III.TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động** |
| - GV yêu cầu mỗi nhóm cử đại diện đọc nối tiếp các phân số thập phân có mẫu số là 10. | - HS lắng nghe yêu cầu. |
| - GV tổ chức cho HS đọc trước lớp. | - Đại diện từng thành viên bắt đầu đọc phân số thập phân mà mình tìm được. |
| * Giới thiệu bài mới.
 |  |
| - GV yêu cầu HS xem tranh, nhận biết các phân số thập phân trong hình vẽ. | - Ví dụ: Trên hình vẽ biểu diễn các phân số $\frac{1}{10}$; $\frac{3}{10}$ |
| - GV nhận xét, tổng kết hoạt động. | - HS nghe. |
| **2. Khám phá kiến thức mới**. |
| **a) Nhận biết số thập phân (dạng phần mười):**  |  |
| **-** GV đưa phân số thập phân $\frac{1}{10}$ , yêu cầu HS đọc theo nhóm. | - HS làm việc trong nhóm, nhóm trưởng tổ chức cho các thành viên chia sẻ với bạn: |
|  |  $\frac{1}{10}$ *được viết thành 0,1*  *0,1 đọc là “không phẩy một”.*  *0,1 =* $\frac{1}{10}$*Số 0,1 gọi là số thập phân.* |
| - GV yêu cầu 1 nhóm chia sẻ trước lớp. | - Đại diện nhóm chia sẻ. |
| - Thực hiện tương tự với phân số thập phân $\frac{3}{10}$ | $\frac{3}{10}$ được viết thành 0,3  0,3 đọc là “không phẩy ba”.  0,3 = $\frac{3}{10}$Số 0,3 gọi là số thập phân. |
| **b) GV hướng dẫn HS nhận biết về cấu tạo số thập phân 0,1 và 0,3** |  |
| - GV hướng dẫn HS nhận biết về cấu tạo số thập phân 0,01 và 0,23 qua bảng cấu tạo sgk/38. | - HS quan sát bảng và nhận biết cấu tạo SGK:- HS chia sẻ nhóm đôi |
| - GV hỏi: *Số thập phân 0,1 gồm mấy phần?*- ***Gv giới thiệu thêm***: *Có thể nói, trong cách ghi số thập phân, người ta dùng dấu phẩy tách phần đơn vị (phần nguyên) với các phân nhỏ hơn đơn vị.* | - STP gồm 2 phần: Phần nguyên và phần thập phân, được ngăn cách nhau bởi dấu phẩy. |
| - GV giúp đỡ | - HS hỏi trong nhóm đôi:+ Trong số 0,1 thì chữ số 0 thuộc hàng nào?+ Trong số 0,1 thì chữ số 1 thuộc hàng nào?+ Nêu giá trị từng hàng của số thập phân 0,3.- HS trả lời:+ Chữ số 0 thuộc hàng đơn vị |
|  | + Chữ số 1 thuộc hàng phần mười |
|  | + Chữ số 0 thuộc hàng đơn vị, chữ số 3 thuộc hàng phần mười. |
| **c) GV tổ chức HS quan sát tia số và yêu cầu học sinh thực hiện:** | - HS thực hiện theo yêu cầu. |
| - GV hỏi: *Các số được viết lần lượt theo thứ tự như thế nào?* | + Đọc các số ở phía trên của tia số sau đó đọc các số ở phía dưới của tia số.+Xác định: mỗi vạch ứng với 0,1 đơn vị.- Chia sẻ nhóm đôi- Các số được viết lần lượt theo thứ tự tăng dần. |
| * GV cung cấp về thứ tự các số thập phân
 | * Hs lắng nghe.
 |
| **3. Luyện tập, thực hành.****\* Bài 1:**- GV hướng dẫn HS tiến hành các thao tác:+ Quan sát, phân tích mẫu.+ Nhận biết phần tô màu rồi viết phân số thập phân và số thập phân tương ứng.- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân | - HS thực hiện các thao tác theo hướng dẫn của GV:+ Băng giấy có 10 ô vuông, được tô màu 2 ô vuông.+ Phân số thập phân thể hiện phần được tô màu là $\frac{2}{10}$ = 0,2.- HS tự làm bài, sau đó đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm và thống nhất kết quả theo nhóm đôi:  5/10 = 0,5 6/10 = 0,6  |
| GV gọi HS đọc các phân số thập phân và số thập phân vừa có được. | - 2 cặp đôi đứng lên đọc kết quả trước lớp |
| - GV nhận xét kết quả bài làm của HS. | - HS lắng nghe. |
| **\* Bài 2:**- GV tổ chức HS hoạt động  | - HS đọc đề bài câu a và b, suy nghĩ cá nhân chia sẻ nhóm đôi |
|  | - 3 HS đọc: Mẫu: $\frac{7}{10}$ = 0,7 |
|  | - HS tự làm bài, sau đó đọc bài làm nối tiếp trước lớp $\frac{4}{10}$ = 0,4 $\frac{9}{10}$ = 0,9 $\frac{6}{10}$ = 0,6 $\frac{5}{10}$ = 0,5 |
| - GV cử 1 HS đọc to số trong câu c, cả lớp viết số đó vào bảng con và giơ kết quả sau 3 giây. **\* Bài 3:**- GV tổ chức cho HS quan sát, phân tích mẫu. | - HS nghe và thực hiện theo yêu cầu.- HS đọc: Mẫu: 0,4 = $\frac{4}{10}$  |
| - GV nhận xét  | - HS nêu phần nguyên và phần thập phân của số đã cho.- Số thập phân 0,4 có phần nguyên là 0, phần thập phân là 4. |
| - GV giới thiệu: *Khi chuyển số thập phân 0,4 thành phân số: tử số chính là chữ số ở hàng phần mười, mẫu số là 10.*  |  |
| - GV chụp bài làm HS và trình chiếu, gọi nhận xét và thống nhất kết quả. | - HS tự làm bài:  0,6 = $\frac{6}{10}$ 0,2 = $\frac{2}{10}$  0,9 = $\frac{9}{10}$ 0,1 = $\frac{1}{10}$ |
| **4. Vận dụng** |
| **Bài 4:** |  |
| - GV tổ chức thực hiện. - GV theo dõi giúp đỡ. - GV tổ chức chữa bài. | - HS quan sát thước thang và đối chiếu với số liệu đã cho đề nhận biết về số đo chiều dài của mỗi con vật.- HS hoàn thành các yêu cầu của bài tập+ Chuyển phân số thập phân thành số thập phân.+ Nêu số thập phân thích hợp cho ô trống.- HS nêu số đo của từng con vật và đối chiếu với số liệu: Con kiến dài: $\frac{6}{10}$ cm; con bọ rùa dài: $\frac{8}{10}$ cm.* HS thực hiện yêu cầu vào vở.
* 2 HS đọc kết quả của mình
 |
| **\* Củng cố, dặn dò** |  |
| - GV hỏi: *Tiết học vừa rồi chúng ta đã học được những nội dung gì?* -GV dặn dò HS về nhà có thể tìm thêm các ví dụ tương tự về số thập phân đã học. | - Nhận biết được số thập phân; biết đọc, viết số thập phân (dạng phần mười).- Biết chuyển các phân số thập phân thành số thập phân và ngược lại.- Biết ghi số đo đại lượng (độ dài) bằng việc sử dụng số thập phân.- HS nghe để thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

**Bài 14: SỐ THẬP PHÂN (tiếp theo)**

SỐ TIẾT: 1 TIẾT

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Phân biệt khái niệm số thập phân (dạng phần trăm); biết đọc, viết số thập phân (dạng phần trăm).

- Thực hiện dược chuyên các phân số thập phân (dạng phần trăm) thành số thập phân (dạng phần trăm) và ngược lại.

- Sử dụng hình ảnh trực quan để biểu diễn số thập phân (dạng phần trăm).

- Trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

- Yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

- Các tờ giấy hình vuông biểu thị $\frac{1}{100}$ và $\frac{23}{100}$ ….

- Bảng cấu tạo số thập phân (dạng phần trăm/sgk trang 38).

**2. Học sinh**

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động** |  |
| **-** GV hướng dẫn HS khởi động theo nhóm: mỗi nhóm một số tờ giấy màu hình vuông 100 ô; được tô màu 1 ô; 12 ô; 25 ô; 50 ô.- GV yêu cầu HS xem tranh, nhận biết các phân số thập phân trong hình vẽ. | - HS thực hiện- Ví dụ: Trên hình vẽ biểu diễn các phân số $\frac{1}{100}$ ; $\frac{23}{100}$ … |
| - GV nhận xét, tổng kết hoạt động. | - HS nghe. |
| **2. Khám phá kiến thức mới** |
| **a) Nhận biết số thập phân (dạng phần trăm):** **-** GV cho phân số thập phân $\frac{1}{100}$ , yêu cầu HS làm việc theo nhóm.  | - HS đọc trong nhóm, chia sẻ với bạn: |
|  |  $\frac{1}{100}$ *được viết thành 0,01*  *0,01 đọc là “không phẩy không một”.*  *0,01 =* $\frac{1}{100}$*Số 0,01 gọi là số thập phân.* |
| - GV yêu cầu 1 nhóm chia sẻ trước lớp. | - Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp. |
| \* Thực hiện tương tự với phân số thập phân $\frac{23}{100}$ |  $\frac{23}{100}$ *được viết thành 0,23*  *0,23 đọc là “không phẩy hai mươi ba”.*  *0,23 =* $\frac{23}{100}$*Số 0,23 gọi là số thập phân.* |
| **b) GV cho HS quan sát bảng và nhận biết:** |  |
| - GV hướng dẫn HS nhận biết về cấu tạo số thập phân 0,01 và 0,23 qua bảng cấu tạo sgk/38. | - HS lắng nghe. |
| - GV hỏi:+ STP 0,01 gồm mấy phần?  | - HS trả lời:+ STP gồm 2 phần: Phần nguyên và phần thập phân. |
| + Trong số 0,01 thì chữ số 1 thuộc hàng nào? | + Chữ số 1 thuộc hàng phần trăm. |
| + Trong số 0,23 thì chữ số 2 (chữ số 3) thuộc hàng nào? | + Chữ số 2 thuộc hàng phần mười. Chữ số 3 thuộc hàng phần trăm. |
| **3. Thực hành, luyện tập** |
| **\* Bài 1:****a)** Chuyển phân số thập phân thành số thập phân:- GV hướng dẫn HS tiến hành các thao tác: | - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV: |
|  | + HS đọc: Mẫu: $\frac{45}{100}$ = 0,45 |
|  | + HS nêu: Tử số: 45; Mẫu số: 100; STP 0,45 gồm 0 đơn vị; 4 phần mười và 5 phần trăm. |
|  | + HS tự làm bài, sau đó đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm và thống nhất kết quả theo nhóm đôi:  $\frac{38}{100}$ = 0,38 $\frac{91}{100}$ = 0,91  $\frac{55}{100}$ = 0,55 $\frac{6}{100}$ = 0,06 |
| - GV nhận xét kết quả bài làm của HS. | - HS lắng nghe. |
| **b)** Chuyển số thập phân thành phân số thập phân: | - HS thực hiện: |
| - Gv nhận **xét**  | + HS đọc: Mẫu: 0,08 = $\frac{8}{100}$ |
|  | + Số thập phân 0,08 gồm: 0 đơn vị; 0 phần mười và 8 phần trăm; PSTP có tử số là 8; mẫu số là 100. |
|  | - HS tự làm bài, sau đó đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm và thống nhất kết quả theo nhóm đôi:  0,04 = $\frac{4}{100}$ 0,62 = $\frac{62}{100}$  0,92 = $\frac{92}{100}$ 0,7 = $\frac{70}{100}$ |
| - GV nhận xét kết quả bài làm của HS. | - HS lắng nghe. |
| **\* Bài 2:**  |  |
| - GV yêu cầu HS đọc đề bài. | - HS đọc. |
| - Gv yêu cầu HS xác định việc cần làm. | - Nêu số thập phân ứng với mỗi vị trí trên tia số. |
| + Đọc các số ở phía trên của tia số sau đó đọc các số ở phía dưới của tia số. | - HS bài cá nhân: HS tự làm bài vào vở BT Toán, 1 HS lên bảng. |
| + Xác định: mỗi vạch nhỏ ứng với 0,01 hay $\frac{1}{100}$ đơn vị. |  |
| + Nêu số thích hợp ứng với mỗi vị trí A, B, C, D trên tia số. |  |
|  | - Chữa bài trên bảng và thống nhất kết quả: A - 0,15 B - 0,28 C - 0,66 D - 0,83 |
| - GV nhận xét kết quả bài làm của HS. |  |
| **3. Vận dụng** |
| **\* Bài 3:**- GV yêu cầu HS đọc đề bài: 2 HS đọc to. | - HS đọc. |
| - Gv yêu cầu HS xác định việc cần làm. | - Em lấy hai tờ giấy, mỗi tờ gồm 100 ô vuông. - Tô màu để biểu diễn số thập phân 0,25 ; 0,6 rồi dán vào vở. |
| - GV theo dõi nhận xét | - HS chuẩn bị 2 tờ giấy theo yêu cầu của bài để tô màu. |
| **\* Củng cố, dặn dò**GV hỏi: *Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?*  | - Em biết đọc, viết số thập phân dạng phần trăm. |
|  | - Em biết chuyển phân số thập phân thành số thập phân và ngược lại. |
|  | - Em biết biểu diễn số thập phân dạng phần trăm trên tia số và hình vẽ. |
| - GV dặn dò HS về nhà ôn về cách đọc, viết các số thập phân dạng phần trăm vừa được học. | - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

**BÀI 15: SỐ THẬP PHÂN (tiếp theo)**

SỐ TIẾT: 1 TIẾT

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được khái niệm số thập phân (dạng phần nghìn); biết đọc, viết số thập phân (dạng phần nghìn).

- Thực hiện được chuyên các phân số thập phân thành số thập phân (dạng phần nghìn) và ngược lại.

- Làm quen với việc ghi số đo đại lượng (khối lượng) bằng việc sử dụng số thập phân.

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

- Yêu thích môn học

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

- Chuẩn bị một số tình huống đơn giản dần tới khái niệm số thập phân (dạng phần nghìn).

- Bảng phụ, phiếu học tập.

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập (bút, thước, vở ghi, nháp, bảng con…).

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động**  |
| - GV tổ chức trò chơi “**Truyền điện”** với nội dung: *Chuyển số thập phân thành phân số thập phân: 0,5; 0,03; 0,75; 0,192; 0,006****\*Luật chơi:*** - Mỗi bạn nêu một số thập phân, đố bạn khác chuyển số đó dưới dạng phân số thập phân.  | - HS cả lớp lắng nghe luật chơi. |
| **-** GV hướng dẫn HS chơi trong nhóm. | - HS chơi cả lớp. - Lớp trưởng điều khiển các bạn chơi: |
| - GV tổ chức cho HS chơi trước lớp. | + Lớp trưởng nhanh chóng hô 1 số thập phân và chỉ tay vào 1 bạn bất kì để “truyền điện”+ Người được lựa chọn nhanh chóng đưa ra phân số thập phân tương ứng. Nếu trả lời đúng thì tiếp tục chỉ tay vào bạn khác để “truyền điện”. Nếu trả lời sai thì phải thực hiện 1 hình phạt do lớp trưởng đưa ra. |
| - GV nhận xét, tổng kết hoạt động. | - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới****Mục tiêu: -** HS nhận biết được khái niệm số thập phân (dạng phần nghìn); biết đọc, viết số thập phân (dạng phần nghìn). |
| **a) Nhận biết số thập phân (dạng phần nghìn).**- GV đưa phân số $\frac{1}{1000}$, yêu cầu HS đọc thông tin và làm việc theo nhóm.  | - HS thảo luận trong nhóm: $\frac{1}{1000}$ *được viết thành 0,001*  *0,001 đọc là “không phẩy không không một”.*  *0,001 =* $\frac{1}{1000}$*Số 0,001 gọi là số thập phân*. |
| - GV yêu cầu 1 nhóm chia sẻ trước lớp. | - Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp. |
| - GV yêu cầu HS thực hiện tương tự với phân số thập phân $\frac{249}{1000}$ | $\frac{249}{1000}$ *được viết thành 0,249* *0,249 đọc là “không phẩy hai trăm bốn mươi chín”.*  *0,249 =* $\frac{249}{1000}$*Số 0,249 gọi là số thập phân.* |
| **b) GV cho HS quan sát bảng và nhận biết:** |  |
| - GV hướng dẫn HS nhận biết về cấu tạo số thập phân 0,001 và 0,249 qua bảng cấu tạo sgk/39.- GV hỏi:  | - HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn của GV:- HS trả lời: |
| + STP 0,001 gồm mấy phần? | + STP gồm 2 phần: Phần nguyên và phần thập phân. |
| + Trong số 0,01 thì chữ số 1 thuộc hàng nào? | + Chữ số 1 thuộc hàng phần nghìn. |
| + Trong số 0,249 thì chữ số 2 (chữ số 4, chữ số 9) thuộc hàng nào? | + Chữ số 2 thuộc hàng phần mười. Chữ số 4 thuộc hàng phần trăm. |
|  |  Chữ số 9 thuộc hàng phần nghìn. |
| **3. Thực hành, luyện tập**. |
| **\* Bài 1:** |  |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1a. | - HS đọc yêu cầu bài tập 1a. |
| - Gv yêu cầu HS xác định việc cần làm. | **- Đọc số thập phân** |
| - GV yêu cầu HS đọc theo cặp. | - HS đọc từng số thập phân.0,005: Không phẩy không không năm0,312: Không phẩy ba một hai0,308: Không phẩy ba không tám0,029: Không phẩy không hai chín0,071: Không phẩy không bảy một |
| - GV quan sát, nhận xét. |  |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1b. | - HS **đọc** yêu cầu bài tập 1b. |
|  | - HS làm bài cá nhân vào vở bài tập toán. |
| - GV theo dõi, giúp đỡ. | - HS chia sẻ bài làm với bạn trong nhóm 2. |
| - GV tổ chức cho HS chơi tiếp sức để chia sẻ kết quả: *GV ghi sẵn bài tập 1b lên bảng, sau đó GV bốc thăm để chọn 8 HS chơi.*  | - 8 HS chia làm 2 đội, mỗi thành viên sẽ luân phiên chạy lên ghi kết quả vào chỗ trống theo kiểu tiếp sức. - Chơi xong các 2 đội chơi giữ nguyên đội hình. |
| - GV khuyến khíchHS hỏi các hàng của phần nguyên, các hàng của phần thập phân bằng trò chơi ***“Bạn hỏi – Tôi trả lời”.*** | + Học sinh dưới lớp hỏi:+ HS trong đội chơi điền bài đó trả lời+… (*Cứ như vậy cho đến hết 4 câu)* |
| - GV nhận xét, bổ sung. |  |
| **\* Bài 2:**  |  |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 2.- GV hướng dẫn HS tiến hành các thao tác:+ Quan sát, phân tích mẫu: 3 HS đọc to mẫu.+ Nhận biết tử số và mẫu số của phân số thập phân; phần nguyên, phần thập phân của số thập phân:  | - Chuyển các phân số thập phân về dạng số thập phân (theo mẫu)- HS đọc: Mẫu: 6/1000 = 0,006- HS nêu: Tử số: 6; Mẫu số: 1000; STP 0,006 gồm 0 đơn vị và 6 phần nghìn. |
| + Viết phân số thập phân thành số thập phân. | - HS tự làm bài, sau đó đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm và thống nhất kết quả theo nhóm đôi:  $\frac{9}{1 000}$ = 0,009 $\frac{24}{1 000}$ = 0,024  $\frac{391}{1 000}$ = 0,391 $\frac{550}{1 000}$ = 0,550 |
| - GV nhận xét kết quả bài làm của HS. |  |
| **\* Bài 3:** - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 3.- GV hướng dẫn HS: | - Chuyển số thập phân về dạng phân số thập phân (theo mẫu)- HS thực hiện theo hướng dẫn: |
|  | + HS đọc: Mẫu: 0,982 = $\frac{982}{1000}$ |
|  | + Số thập phân 0,982 gồm: 0 đơn vị; 9 phần mười; 8 phần trăm và 2 phần nghìn; PSTP có tử số là 982; mẫu số là 1 000. |
| + Viết số thập phân thành phân số thập phân. | - HS tự làm bài, sau đó đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm và thống nhất kết quả theo nhóm đôi:  0,123 = $\frac{123}{1 000}$ 0,908 = $\frac{908}{1 000}$  0,77 = $\frac{77}{100}$ 0,008 = $\frac{8}{1 000}$ |
| - GV tổ chức chữa bài, nhận xét kết quả bài làm của HS. | - HS lắng nghe. |
| **4. Vận dụng.** |
| **\* Bài 4:** - GV gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc yêu cầu. |
| - GV yêu cầu HS thực hiện yêu cầu bài tập. | - HS tiến hành các thao tác:+ Quan sát và đối chiếu với số liệu đã cho đề nhận biết về cân nặng của mỗi loại quả.+ Đọc số thập phân kèm tên đơn vị kg để có số đo cân nặng tương ứng. |
| - GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp.- GV nhận xét nhận xét, tuyên dương.*-* **GV Kết luận:** *Ý nghĩa thực tế của việc dạy học số thập phân ở tiểu học, nhằm cung cấp cho HS một công cụ biểu diễn số đo đại lượng, ở đây là việc sử dụng số thập phân để biểu thị cân nặng một cách chính xác và tiện dụng.* | - HS chia sẻ trước lớp.- HS lắng nghe. |
| **\*Củng cố, dặn dò** - GV hỏi: *Qua bài này, các cm biết thêm được điều gì?* - GV dặn dò HS về nhà chia sẻ với người thân về cách đọc, viết các dạng số thập phân vừa được học. | - Biết được khái niệm số thập phân (dạng phần nghìn); đọc, viết số thập phân (dạng phần nghìn)- HS lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………